

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP ỨNG DỤNG Ở VIỆT NAM

Nguyễn Danh Nam

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Bài viết trình bày quy trình phát triển chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng của các trường đại học ứng dụng Hà Lan và các điều kiện để thực hiện chương trình như tiêu chuẩn đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và mối quan hệ với công giới. Đây là kết quả các hoạt động hỗ trợ 8 trường đại học của Việt Nam phát triển chương trình đào tạo thuộc Dự án phát triển giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (Dự án POHE) từ năm 2005 đến năm 2015. Kết quả nghiên cứu của Dự án tiếp tục được áp dụng và lan tỏa đến các trường đại học trong cả nước. Bài viết tóm lược một số kết quả chủ yếu trong việc triển khai phát triển chương trình đào tạo theo hướng tăng thực hành, thực tế tại doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Từ khóa: *Chương trình, chương trình đào tạo, phát triển chương trình, định hướng ứng dụng, Việt Nam*

Ngày nhận bài: 18/4/2019; Ngày hoàn thiện: 28/5/2019; Ngày duyệt đăng: 31/5/2019

TRAINING CURRICULUM DEVELOPMENT WITH PROFESSION-ORIENTED HIGHER EDUCATION IN VIETNAM

Nguyen Danh Nam

TNU – University of Education

ABSTRACT

The paper presents the procedure of developing training curriculum with profession-oriented higher education in Netherlands and curriculum implementation conditions such as lecturers, infrastructures and the relationship with the world of work. These are activities of supporting eight universities in Vietnam to develop their training programs in profession-oriented higher education project (POHE) from 2005 to 2015. Research results continue applying and spreading to other applied universities. The paper recapitulates some main results in implementing curriculum development to enhance practicing activities at the enterprises so that the curriculum could meet the crucial demand of the world of work.

Keywords: *Curriculum, training curriculum, curriculum development, profession-oriented, Vietnam.*

Received: 18/4/2019; Revised: 28/5/2019; Approved: 31/5/2019

1. Giới thiệu

Phát triển chương trình đào tạo được thực hiện theo nhiều cách tiếp cận tùy thuộc vào trình độ phát triển của mỗi quốc gia. Với các nước phát triển, chương trình đào tạo được phát triển dựa trên khung trình độ quốc gia, trong đó xác định rõ năng lực của người học có được sau khi kết thúc khoá học của mỗi một ngành hoặc nghề ở mỗi một trình độ đào tạo. Năng lực của người học được xác định dựa trên hồ sơ nghề nghiệp và năng lực của người lao động, được xác định của nhiều bên tham gia bao gồm bên sử dụng lao động, bên cung cấp nhân lực (cơ sở đào tạo) và cơ quan quản lý nhà nước. Chương trình đào tạo được phát triển theo cách tiếp cận này đáp ứng được nhu cầu và đòi hỏi của của thị trường lao động.

Theo nghiên cứu của Valleyly và Wikinson (2008) thì sản phẩm của hệ thống giáo dục Việt Nam không đáp ứng được nhu cầu của xã hội, của cộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài tham gia đầu tư tại Việt Nam [2]. Năm bất được thực trạng này, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 14/2005/NQ-CP về việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học giai đoạn 2006 - 2020, trong đó nhấn mạnh *“Đổi mới giáo dục đại học phải đảm bảo tính thực tiễn, hiệu quả và đồng bộ [...] phải tiến hành đổi mới từ mục tiêu, quy trình, nội dung đến phương pháp dạy và học, phương thức đánh giá kết quả học tập [...] gắn bó chặt chẽ và tạo động lực để tiếp tục đổi mới giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp [...] Phát triển các chương trình giáo dục đại học theo định hướng nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp ứng dụng, trong đó khoảng 70 - 80% tổng số sinh viên theo học các chương trình nghề nghiệp ứng dụng vào năm 2020”* [6]. Vì vậy, hệ thống giáo dục đại học Việt Nam cần đổi mới căn bản về chương trình đào tạo và mô hình giáo dục theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (đã thể hiện được tính ưu việt trong chương trình đào tạo tại các nước Hà Lan, Đức,...) được triển khai tại Việt Nam từ năm 2005 đến năm 2009 (giai đoạn 1) và từ năm 2012 đến năm 2015 (giai đoạn 2).

Giáo dục định hướng nghề nghiệp ứng dụng (Profession Oriented Higher Education - POHE) là một loại hình đào tạo bậc đại học chú trọng đến phát triển các năng lực và kỹ năng nghề mà đặc trưng của loại hình đào tạo này là sự gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo, giảng viên tham gia giảng dạy và cộng đồng doanh nghiệp thuộc lĩnh vực đào tạo đó. Chương trình đào tạo POHE được phát triển dựa trên việc khảo sát thị trường lao động, đánh giá nhu cầu đào tạo, thiết lập hồ sơ nghề nghiệp và hồ sơ năng lực của người lao động. Chương trình đào tạo POHE có sự tham gia của các bên liên quan, trong đó có các hiệp hội nghề nghiệp, đại diện doanh nghiệp và cựu sinh viên. Chương trình đào tạo còn được so sánh, đối chiếu tham khảo các chương trình đào tạo khác ở trong nước và quốc tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Do đó, ưu điểm nổi bật của chương trình đào tạo này là tỉ lệ sinh viên tìm được việc làm ngay sau khi tốt nghiệp cao; cộng đồng doanh nghiệp có thể sử dụng ngay nguồn nhân lực này mà không cần phải đào tạo thêm hoặc đào tạo lại, từ đó tiết kiệm được nguồn lực cho xã hội.

Chương trình POHE phản ánh cách tiếp cận tích hợp, trong đó kiến thức lý thuyết kết hợp với thực hành và đào tạo các kỹ năng mềm, tập trung vào thực hành nghề nghiệp của sinh viên. Với hệ thống các môn học được xác định một cách khoa học, có kế thừa và phát triển là quá trình sự phạm chuyển đổi hồ sơ năng lực thành các hoạt động sự phạm chứa đựng các hoạt động dạy và học trợ giúp sinh viên đạt được các mục tiêu học tập dự kiến. Bên cạnh việc đánh giá kiến thức lý thuyết truyền thống, đánh giá sinh viên còn có cả các hợp phần thực hành liên quan đến bên sử dụng lao động. Đó là đánh giá khả năng của sinh viên trong thực hành nghề nghiệp và các kỹ năng của họ trong việc sử dụng các thiết bị và làm việc trong môi trường doanh nghiệp. Các trường đại học tham gia Dự án POHE được tiếp cận với chiến lược giảng dạy có tiếp xúc chặt chẽ với các doanh nghiệp được thể hiện qua cách thức và phương tiện thiết kế và thực hiện chương trình giảng dạy có sự tham gia của các doanh nghiệp, “tính lưu động” của

sinh viên và giảng viên với các doanh nghiệp. Nguyên lý cơ bản của chương trình giáo dục định hướng POHE là chú trọng đào tạo cho người học đồng thời ba khía cạnh: (i) cung cấp kiến thức; (ii) phát triển năng lực, kỹ năng nghề nghiệp; và (iii) rèn luyện thái độ đối với ngành nghề mình theo học. Vì thế, chương trình POHE có một số đặc điểm sau đây:

- Chương trình dựa trên khung năng lực nghề nghiệp, được xây dựng thông qua quá trình tham vấn với thị trường lao động và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia cũng như tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế;

- Chương trình đào tạo phản ánh cách tiếp cận tích hợp giữa kiến thức lý thuyết với kiến thức thực tế và các kỹ năng xã hội cần thiết. Các hoạt động chủ yếu trong chương trình là: các bài tập thực hành, thiết kế “dự án”, kỹ thuật thí nghiệm, thực tập/bố trí công việc;

- Chương trình đào tạo thúc đẩy phương pháp học tập lấy người học làm trung tâm, phương pháp học tập tích cực (dựa trên hồ sơ sinh viên, làm việc nhóm);

- Chương trình đào tạo tích hợp các môn khoa học cơ bản do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nhưng các môn này không vượt quá 25% chương trình đào tạo; các môn chuyên ngành trung bình chiếm 50% chương trình đào tạo, bao gồm cả việc bồi dưỡng các kỹ năng mềm như giao tiếp, kỹ năng hoạt động xã hội;

- Chương trình đào tạo có trung bình từ 25 - 40% số giờ thực hành, bao gồm cả các hoạt động thí nghiệm, thực địa, thực tập và khóa luận tốt nghiệp;

- Đánh giá sinh viên bao gồm các phần thực hành liên quan đến thị trường lao động như: kết quả thực hành nghề nghiệp và các kỹ năng sử dụng các trang thiết bị đặc biệt của sinh viên (như các kỹ năng thực nghiệm, hoạt động trong mô hình thực tiễn,...) được thực hiện cùng với đánh giá phần kiến thức lý thuyết cơ bản.

2. Cấu trúc của chương trình POHE

Chương trình đào tạo là một tài liệu lập kế hoạch cho một quá trình giáo dục với việc mô tả các mục tiêu giáo dục, các phương tiện để đạt được các mục tiêu đó và làm thế nào để

đánh giá các kết quả của tiến trình. Cấu trúc của các chương trình đào tạo truyền thống (không phải nội dung của nó) xác định nhiệm vụ của giảng viên và các hoạt động của sinh viên trong thời gian của một năm học. Một loạt sự phát triển buộc chúng ta phải thay đổi cấu trúc này: cải thiện mối liên kết giữa giáo dục và thị trường lao động, giáo dục và điều chỉnh tốt, khoa học và nghề nghiệp, thay đổi truy cập của sinh viên, có nghĩa là thay đổi về công nghệ trong giáo dục, các thay đổi trong quy định pháp lý và tài chính. Đôi khi cấu trúc cản trở khả năng tiếp cận của các nhóm xã hội nhất định.

Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo là các môn học được mô-đun hoá thành các học phần để có thể dùng chung cho nhiều chương trình và dễ dàng tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ. Ở các cơ sở đào tạo giáo viên, các mô-đun này phải thể hiện được tư tưởng rẽ nhánh trong giai đoạn sau của quá trình đào tạo giáo viên, đáp ứng về cả chiều rộng và chiều sâu: tiếp cận giáo dục phổ thông (chuyên gia giáo dục) và tiếp cận các hướng nghiên cứu sâu của ngành đào tạo (để tiếp tục học sau đại học). Mô-đun hóa đã chứng minh là một câu trả lời thỏa đáng cho sự linh hoạt của chương trình đào tạo sau khi hiểu rõ nhu cầu của thị trường, nhiều hơn ở phía đầu vào hoặc ở phía đầu ra (sự khác biệt) và do đó kết quả của giáo dục (sự định rõ) và ảnh hưởng của nó được cải thiện, và phát triển, thực hiện giáo dục có hiệu quả ở mức độ hoạt động cũng như ở mức độ quản lý.

Chương trình POHE (khung chương trình) có cấu trúc mô-đun. Mỗi mô-đun cung cấp một khối kiến thức và các kỹ năng đóng góp vào việc hình thành các năng lực ở một mức độ nhất định cho sinh viên. Các mô-đun cung cấp cùng một năng lực được sắp xếp theo thứ tự từ thấp đến cao: Mô-đun phát triển năng lực ở mức thấp hơn giảng dạy trước, mô-đun phát triển năng lực ở mức độ cao hơn giảng dạy sau. Để đạt được một mức năng lực nhất định, sinh viên phải học các mô-đun hỗ trợ, các mô-đun tiên quyết, mô-đun cơ bản, mô-đun và một phần mô-đun trực tiếp liên quan đến chuyên môn trước khi tham gia dự án

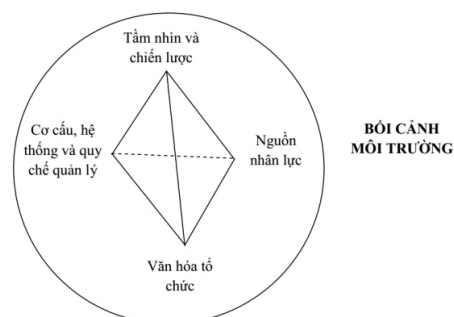
tổng hợp (dự án sinh viên) hay đi thực tập nghề nghiệp. Các dự án và chương trình thực tập được liên kết để thực hành khối lượng năng lực tương ứng với nhiệm vụ trong các tình huống nghề nghiệp khác nhau. Do đó, các dự án và thực tập nghề nghiệp là xương sống của chương trình POHE. Sinh viên các chương trình POHE được đánh giá cao với các kiến thức và kỹ năng sau đây: bên cạnh các kiến thức chuyên môn được giảng dạy như các chương trình truyền thống, sinh viên POHE cho thấy các khả năng vượt trội như kiến thức thực tế, kỹ năng thực tập và ứng dụng, các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy độc lập, sáng tạo, nhạy bén và biết nắm bắt cơ hội. Sinh viên POHE cũng được đánh giá là tích cực, năng động và tự tin hơn. Các phỏng vấn cho thấy sau khi tốt nghiệp, khả năng có việc làm của sinh viên POHE là khá cao.

Chương trình đào tạo POHE đã có rất nhiều thay đổi quan trọng so với các chương trình truyền thống: bỏ đi các môn không quan trọng, thiết kế lại nội dung, thêm vào các môn học và các kỹ năng cần thiết. Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai, các Khoa đã thiết kế dành thời gian nhiều hơn các môn thực hành, thực tập và đi thực tế. Các môn học được thiết kế theo mức độ năng lực và thành tích học tập của sinh viên. Chương trình đào tạo mới đòi hỏi các giảng viên phải thay đổi cách dạy theo hướng tích cực hơn và tập trung hơn vào người học.

Các học phần/mô-đun có liên quan đến các kiến thức thực tế thông qua các chuyến đi thực tập, thực hành được thiết kế hợp lý và được đánh giá kết hợp với phản hồi của các nhà tuyển dụng. Ngoài ra, trong từng học phần đều có các mục tiêu đào tạo cũng như chuẩn đầu ra của từng mục tiêu, giúp cho giảng viên và sinh viên có thể tập trung hơn vào việc đánh giá kết quả học tập. Điều này cũng giúp cho sinh viên học có trọng tâm hơn, động cơ học tập tốt hơn.

Một trong những thành quả nổi bật của các chương trình đào tạo POHE là tạo được các quan hệ với thị trường lao động mà đại diện là các công ty, cơ quan, viện nghiên cứu, doanh

nh nghiệp (các nhà tuyển dụng). Các quan hệ này được củng cố và mở rộng thông qua các Hội đồng công giới (có đại diện của các nhà tuyển dụng), xây dựng chương trình, các chuyến đi thực tập, thực tế, làm đề án tốt nghiệp mà các nhà tuyển dụng đóng vai trò là người hướng dẫn cũng như phản hồi về kết quả của sinh viên trong quá trình đi thực tế, thực tập. Các nhà tuyển dụng cũng được mời đến các trường như các diễn giả, thỉnh giảng, trao đổi, nói chuyện, giảng bài với mục đích giúp sinh viên có thêm kiến thức thực tế và rèn luyện kỹ năng mềm. Ngoài ra, việc tạo dựng mối quan hệ với thị trường lao động cũng giúp các nhà tuyển dụng hiểu thêm trách nhiệm xã hội của mình đối với giáo dục, đặc biệt trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho chính mình. Thông qua làm việc với các đề án sinh viên, tiếp xúc và hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên trong các kỳ thực tập, thực tế, thực hành, các nhà tuyển dụng cũng hiểu thêm cách vận hành của trường đại học và việc hỗ trợ nhà trường thông qua sinh viên tốt nghiệp sẽ giúp cho cả hai phía: trường đại học cũng như thị trường lao động, cụ thể là giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng thực tế và giúp nhà tuyển dụng tiết kiệm chi phí đào tạo lại. Việc trường đại học kết nối chặt chẽ với thị trường lao động có tác động rất nhiều đến mô hình đào tạo truyền thống. Nếu như việc học tập đại học trước đây gắn chặt với giảng đường, lớp học, thì mô hình POHE cho thấy việc học tập đại học tạo sự gắn kết hơn với thực tế, với thế giới lao động vốn đầy các kinh nghiệm bổ ích và việc này đã làm thay đổi mô hình nhà trường đại học ngày nay.



Hình 1. Các yếu tố tác động đến chương trình POHE

Đối với nhà trường: Tầm nhìn của người lãnh đạo cần được thể hiện không chỉ ở các loại tuyên ngôn và nghị quyết, mà là ở các chính sách cụ thể, chẳng hạn cách quy đổi giờ thực hành, cách tính thù lao hay chi phí cho việc xây dựng và cập nhật chương trình, định mức chi phí cho thực tập, cho quan hệ doanh nghiệp,... Những chính sách này sẽ tạo ra động lực và khuyến khích cho những người trực tiếp thực hiện POHE, đặc biệt là giảng viên, vì họ là nhân tố trọng yếu của mọi cải cách trong nhà trường.

Đối với nhà nước: Sự gắn kết với thể giới việc làm là nhân tố sống còn của POHE. Tăng cường mối liên hệ này là một việc cần có sự hỗ trợ của khung chính sách vĩ mô. Ví dụ: chính sách giảm thuế hay những khích lệ tài chính cho doanh nghiệp đối với những hoạt động nhằm hỗ trợ nhà trường trong việc thực tập, hợp tác nghiên cứu... Bộ GD&ĐT cần xây dựng một bộ khung pháp lý thích hợp với POHE. Bên cạnh đó, bất cứ thay đổi nào trong trường đại học phải được phản ánh trong Quy chế thu chi nội bộ. Là một công cụ quản lý trọng yếu, phản ánh chiến lược lãnh đạo và tầm nhìn của trường đại học, Quy chế thu chi nội bộ có thể là nơi bắt nguồn nhiều chế độ khen thưởng, khích lệ, cũng như rào cản. Phương pháp giảng dạy mới, những mối liên lạc với thể giới việc làm cho sinh viên và giảng viên, hoạt động thực hành xây dựng trong chương trình đào tạo, tất cả đều đòi hỏi kiểu làm việc và cách tính khối lượng công việc khác so với trước về mặt quản lý. Đặc biệt là công thức quy đổi đối với giờ dạy tương tác, giờ dạy thực hành, tư vấn sinh viên, hướng dẫn hướng nghiệp, xây dựng chương trình đào tạo, tất cả đều phải được phản ánh trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Với quyền tự chủ đầy đủ của các trường trong việc quyết định nội dung của Quy chế chi tiêu nội bộ, cần xây dựng những phương pháp tính toán phù hợp nhằm xóa bỏ các rào cản và tăng cường khích lệ cho việc phát triển chương trình POHE.

3. Quản lý quá trình phát triển chương trình POHE

3.1. Quy trình thiết kế

Việc thiết kế chương trình đào tạo POHE là tổ hợp các hoạt động được thực hiện theo một chu trình bao gồm các bước sau đây: (1) Phân tích nhu cầu đào tạo; (2) Xác định mục tiêu đào tạo; (3) Phân tích các điều kiện ban đầu; (4) Xây dựng nội dung đào tạo; (5) Lựa chọn phương pháp đào tạo; (6) Tổ chức quá trình dạy và học; (7) Phát triển các công cụ hỗ trợ; (8) Xây dựng phương pháp đánh giá; (9) Thực hiện chương trình; (10) Đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo.

Để phát triển một chương trình đào tạo đảm bảo cho sinh viên sau tốt nghiệp có việc làm và hoạt động nghề nghiệp một cách thành công, trước hết cần khảo sát đánh giá nhu cầu đào tạo với sự tham gia của nhiều bên bao gồm: đại diện bên sử dụng lao động, chuyên gia phát triển chương trình đào tạo, giảng viên của bộ môn thực hiện chương trình đào tạo trong tương lai.

3.2. Lập kế hoạch phát triển chương trình

Chu kỳ phát triển chương trình đào tạo phải được hoàn thành từng bước, để thực hiện mục tiêu của cả chu kỳ là xây dựng và thực hiện thành công một chương trình đào tạo POHE. Việc lập kế hoạch phát triển chương trình đào tạo nhằm bố trí các nguồn lực phù hợp với khoảng thời gian định trước. Thời gian của toàn bộ quy trình phát triển chương trình phụ thuộc thời gian thực hiện từng bước. Kế hoạch phát triển chương trình đào tạo giúp nhà quản lý hiểu rõ các hoạt động, những mục tiêu, nhiệm vụ chính, người thực hiện/người phối hợp, thời gian thực hiện và kết quả của mỗi bước để hỗ trợ và thúc đẩy các hoạt động phát triển chương trình.

Phát triển một chương trình đào tạo được triển khai bởi các nhóm của các bên liên quan bao gồm: nhóm đại diện bên sử dụng lao động (Hội đồng công giới), các nhóm phát triển chương trình và nhóm chuyên gia tư vấn. Các nhóm với vai trò người thực hiện/người phối hợp thực thi nhiệm vụ phải được thể hiện rõ nét trong kế hoạch thực hiện. Bảng 1 là căn cứ xây dựng kế hoạch thực hiện của toàn bộ chu kỳ phát triển chương trình.

3.3. Thực hiện kế hoạch

Căn cứ kế hoạch phát triển chương trình đào tạo, các nhóm tổ chức triển khai hoạt động

nhà quản lý là người đưa ra quyết định cuối cùng nhưng mọi người đều có trách nhiệm và được khuyến khích tham gia vào quá trình lập kế hoạch. Mỗi nhiệm vụ cụ thể đã có người thực hiện, song các nhà quản lý giữ vai trò điều phối, khuyến khích trao đổi cởi mở và chia sẻ, đảm bảo thông tin luôn được cập nhật đầy đủ, thông suốt giữa các thành viên/nhóm chuyên trách.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch có thể có những nhiệm vụ được thực hiện theo tuần tự nhưng cũng có nhiều nhiệm vụ được thực

hiện đồng thời. Người quản lý phải luôn sát sao công tác giám sát và đánh giá kết quả thực hiện để kịp thời điều chỉnh. Chẳng hạn, ở Bước 5 phương pháp học tối ưu sẽ được lựa chọn trên cơ sở những mục tiêu đã xác định và các điều kiện khởi đầu. Sau quyết định này sẽ có thể phải làm lại Bước 4 là cấu trúc lại nội dung học tập hoặc sửa lại cho thích hợp với các điều kiện ban đầu của Bước 3. Đào tạo lại giảng viên và đội ngũ nhân viên cũng có thể là kết quả của việc đưa ra các quyết định tại Bước 5.

Bảng 1. Căn cứ xây dựng kế hoạch phát triển chương trình đào tạo

Bước	Các nhiệm vụ chính	Người thực hiện/ người phối hợp	Kết quả
1	Khảo sát thị trường lao động về: nhu cầu nhân lực/môi trường/vị trí công việc/nhiệm vụ	Các nhóm chuyên trách	Hồ sơ nghề nghiệp và hồ sơ năng lực của người lao động
2	Chuyển đổi các mục tiêu năng lực thành các mục tiêu giáo dục: mục tiêu tổng quát, và chi tiết	Nhóm phát triển chương trình	Các mục tiêu học tập/chuẩn đầu ra
3	Phân tích những kiện ban đầu về: sinh viên, giảng viên và nhà trường, cơ sở hạ tầng và khung pháp lý	Các nhóm chuyên trách	Những điều chỉnh trong các kế hoạch đào tạo
4	Phân chia và xây dựng cấu trúc nội dung học tập	Nhóm phát triển chương trình	Chương trình đào tạo được xây dựng theo mục tiêu học tập
5	Lựa chọn phương pháp dạy và học, và bồi dưỡng giảng viên	Nhóm phát triển chương trình	Danh mục các phương pháp dạy, học tối ưu; các giảng viên được đào tạo
6	Lên kế hoạch tổ chức quá trình dạy và học	Nhóm phát triển chương trình và các giảng viên	Kế hoạch chương trình theo từng năm học và các tài liệu hướng dẫn
7	Phát triển tài liệu dạy và học	Các giảng viên	Các tài liệu và phương tiện phục vụ dạy và học
8	Quy định cách thức đánh giá và kiểm tra	Lãnh đạo khoa/các nhóm giảng viên	Văn bản quy định về tổ chức thi
9	Thực hiện chương trình đào tạo	Hệ thống đào tạo của nhà trường	Các kế hoạch thực hiện của các cấp
10	Đánh giá chính thức toàn bộ quá trình	Các chuyên gia đánh giá trong và ngoài trường	Các bản báo cáo về kết quả thực hiện chương trình và các bài học kinh nghiệm

3.4. *Phê duyệt, áp dụng chương trình đào tạo*

Sau khi hoàn thiện, chương trình đào tạo phải được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo và Hiệu trưởng phê duyệt. Các đơn vị chức năng liên quan sẽ có những bản sao của văn bản chương trình để phối hợp với khoa tổ chức thực hiện chương trình. Giảng viên các bộ môn, khoa liên

quan và sinh viên là người sử dụng trực tiếp các tài liệu chương trình. Nhiệm vụ của các nhà quản lý chuyên môn cấp khoa, bộ môn là bảo đảm các nội dung chương trình có tính thống nhất, logic và phản ánh đầy đủ các khái niệm của giáo dục định hướng nghề nghiệp ứng dụng.

3.5. Đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo

Việc thiết kế chương trình đào tạo dù cần trọng, kỹ lưỡng đến đâu cũng không thể tránh được những sai sót nhất định. Vì vậy, sau khi áp dụng chương trình đào tạo một chu kỳ nhất định cần phải đánh giá sản phẩm đầu ra theo mục tiêu đào tạo và các chuẩn đầu ra. Việc đánh giá chương trình đào tạo được thực hiện qua hoạt động tự đánh giá của cơ sở đào tạo sau khi hoàn thiện sản phẩm và sự đánh giá của một tổ chức bên ngoài cơ sở đào tạo. Việc đánh giá có thể thực hiện theo hình thức đánh giá ngẫu nhiên, do đơn vị đảm bảo chất lượng của cơ sở đào tạo tiến hành.

Tỷ lệ sinh viên đạt yêu cầu của các chuẩn đầu ra thể hiện chất lượng đào tạo và những khiếm khuyết của mỗi chương trình đào tạo. Để khẳng định chất lượng và uy tín của chương trình đào tạo cần có sự đánh giá khách quan của một tổ chức độc lập (viện nghiên cứu, uỷ ban hoặc hội đồng đánh giá). Thông tin về chất lượng sản phẩm là cơ sở quan trọng cho mỗi cơ sở đào tạo cập nhật, bổ sung và hoàn thiện chương trình đào tạo. Quá trình tự đánh giá hoặc đánh giá ngoài phải thực hiện theo chu kỳ để chương trình đào tạo đáp ứng được những thay đổi và sự phát triển của khoa học và công nghệ.

4. Mô tả chương trình đào tạo

4.1. Mục đích, ý nghĩa

Mô tả chương trình đào tạo là nội dung không thể thiếu trong phát triển chương trình đào tạo nói chung và chương trình đào tạo POHE nói riêng. Chương trình đào tạo là tài liệu dùng chung cho sinh viên, giảng viên, các nhà quản lý, các cơ quan quản lý giáo dục và cộng đồng. Vì vậy, mô tả chương trình đào tạo có tác dụng hỗ trợ cho các bên liên quan:

- Đối với người học: Hỗ trợ sinh viên có được thông tin tổng quan về chương trình trong quá

trình lựa chọn ngành học; thông tin chi tiết về nội dung, phương pháp học tập, cách thức và thời điểm đánh giá trong quá trình học tập; thông tin về trình độ họ sẽ đạt được và khả năng tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Đối với cơ sở đào tạo: cung cấp thông tin cho giảng viên đến nhiệm vụ giảng dạy bao gồm tên của các học phần, cấu trúc nội dung, phương pháp dạy học, danh mục tài liệu và phương tiện hỗ trợ, các quy định về phương pháp và thời điểm đánh giá để chuẩn bị bài giảng và thực hiện giảng dạy; hỗ trợ các phòng, ban, các khoa và bộ môn có liên quan thực hiện việc tổ chức và quản lý chương trình đào tạo; cung cấp thông tin tổng quan về chương trình cho Lãnh đạo trường về sinh viên, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất để chỉ đạo tổ chức quá trình đào tạo và báo cáo các cơ quan quản lý cấp trên.

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước thông tin về loại hình đào tạo, trình độ đào tạo và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo để ra các quyết định về tài chính cũng như học thuật.

- Đối với thị trường lao động: Cung cấp cho thị trường lao động, các nhà sử dụng lao động thông tin về ngành đào tạo, khả năng của sinh viên tốt nghiệp, các chương trình thực tập để xây dựng kế hoạch phối hợp đào tạo hoặc tuyển dụng.

4.2. Nội dung mô tả chương trình đào tạo

Mô tả chương trình đào tạo POHE gồm các nội dung cơ bản sau: (1) Mục tiêu đào tạo; (2) Thời gian đào tạo; (3) Khối lượng kiến thức toàn khóa; (4) Đối tượng tuyển sinh; (5) Cấu trúc kiến thức của chương trình; (6) Tổ chức đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; (7) Thang điểm; (8) Khung chương trình đào tạo; (9) Danh sách đội ngũ giảng viên; (10) Mô tả nội dung các học phần; (11) Cơ sở vật chất phục vụ học tập; (12) Hướng dẫn thực hiện chương trình.

Dưới đây là một số vấn đề thường gặp phải trong nội dung mô tả chương trình đào tạo:

- Xác định mục tiêu đào tạo: Mục tiêu đào tạo là sự khởi đầu quan trọng trong phát triển chương trình đào tạo, bao gồm các mục tiêu chung và các chuẩn đầu ra phù hợp với mỗi

mục tiêu đào tạo. Trong thời gian gần đây, có không ít giảng viên, cán bộ quản lý gặp nhiều khó khăn trong việc xác định mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra. Đây là những khái niệm không mới, có những điểm khác biệt. Chuẩn đầu ra phải cụ thể, đo lường và đánh giá được năng lực của mỗi mục tiêu đào tạo mà người học có được sau khi kết thúc khoá học. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra phải được xác định từ hồ sơ năng lực của người lao động và là cơ sở cho việc phát triển chương trình đào tạo. Nói một cách khác là phải chuyển đổi các mục tiêu năng lực của người lao động thành các mục tiêu giáo dục bao gồm các mục tiêu tổng quát, và mục tiêu cụ thể hay còn được gọi là các chuẩn đầu ra.

- Cấu trúc chương trình đào tạo: Cấu trúc chương trình đào tạo được thể hiện dưới dạng bảng bao gồm mã số, tên học phần, khối lượng học phần (khối lượng chung, khối lượng lý thuyết và khối lượng thực hành thực hành; hình thức tổ chức học phần). Các học phần được sắp xếp một cách khoa học theo trình tự nhất định, thể hiện được tỷ lệ các khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp của toàn bộ chương trình đào tạo.

- Tổ chức và quản lý đào tạo: Mỗi mô-đun trong chương trình có mục tiêu gắn với các năng lực thành phần cụ thể và là một phần của mục tiêu năng lực tổng thể hay chuẩn đầu ra. Hệ thống mô-đun của chương trình POHE gồm các mô-đun phụ trợ (mô-đun cơ sở, mô-đun cơ sở ngành, mô-đun bổ sung kiến thức, mô-đun chuyên môn,...) và các mô-đun tích hợp là các đồ án hay các chương trình thực tập. Mỗi mô-đun tích hợp là một nhiệm vụ thực tiễn đòi hỏi sự tích hợp ở mức độ ứng dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên sau khi họ hoàn thành một nhóm các mô-đun phụ trợ. Các mô-đun tích hợp được xem là xương sống của chương trình đào tạo POHE. Trình tự thực hiện các mô-đun này sẽ là căn cứ để sắp xếp kế hoạch các mô-đun theo học kỳ.

Cấu trúc chương trình đào tạo được thiết kế theo mô-đun cung cấp một khung nhìn toàn cảnh về cấu trúc, các thành phần chính và nguyên tắc sắp xếp các mô-đun. Theo thời

gian, các mô-đun sẽ tăng dần về tính phức tạp, cấp độ năng lực và tính thực tiễn. Sinh viên sẽ được trải nghiệm các vai trò khác nhau trong hoạt động nghề nghiệp, giải quyết các công việc đơn giản có tính chất thao tác đến những công việc phức tạp đòi hỏi có tư duy chiến lược. Trong quá trình triển khai, áp dụng các chương trình POHE, một số trường gặp phải những khó khăn về việc tổ chức và quản lý do có sự khác nhau giữa các chương trình đào tạo theo tín chỉ và theo mô-đun. Để giải quyết khó khăn nói trên, các cơ sở đào tạo cần phải thống nhất đơn vị đo khối lượng kiến thức, coi mô-đun trong chương trình đào tạo POHE tương đương với học phần trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Mô tả học phần/mô-đun: Tên học phần, mã số (chỉ rõ vị trí học phần trong chương trình đào tạo), số tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần; đề cương chi tiết, nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo; thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần. Mô tả các mô-đun tương tự như mô tả các học phần. Riêng các mô-đun tích hợp nêu rõ chủ đề, tên đề tài, các nhiệm vụ cần thực hiện, thời hạn/tiến độ thời gian; các quy định về tổ chức nhóm, phương pháp hướng dẫn và đánh giá mô-đun tích hợp.

- Chương trình POHE gồm nhiều kiểu mô-đun được phân loại theo ý nghĩa mục tiêu mà chúng đóng góp cho sự phát triển năng lực của người học. Thời lượng học tập của một mô-đun xác định khoảng thời gian mà một sinh viên trung bình cần phải trải qua để đạt được một mức độ kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu. Thời lượng học tập là tổng thời gian của tất cả các hoạt động mà sinh viên thực hiện: chuẩn bị, nghe giảng trên lớp, các hoạt động học tập, xin ý kiến cô vấn, chuẩn bị cho kỳ thi, thi và đánh giá kết quả. Các mô-đun có thể phân chia thành một trong ba loại: lý thuyết, thực hành hoặc tích hợp. Khi đó, việc tính toán các tín chỉ và thời lượng học cho các mô-đun của chương trình POHE có thể tương thích với các quy định của Quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Tiếp cận phương pháp dạy, học và đánh giá

Giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp (POHE) không chỉ cải tiến nội dung

chương trình đào tạo mà còn cải tiến cách thức tổ chức và phương pháp giảng dạy. Sự thay đổi chính trong phương pháp đào tạo là chuyển từ phương pháp giảng viên là trung tâm sang phương pháp đào tạo lấy sinh viên làm trung tâm.

5.1. Phương pháp giảng viên làm trung tâm

Hiện nay phương pháp giảng viên làm trung tâm đang sử dụng phổ biến. Phương pháp này có một số đặc điểm như sau:

- Giảng viên được xem như là trung tâm cung cấp kiến thức, tác động trực tiếp vào quá trình học và quản lý sự tiếp cận thông tin của sinh viên.
- Sinh viên được xem như là hoàn toàn chưa có kiến thức và cần thiết phải tham gia vào quá trình học.
- Không có hoặc rất ít cơ hội cho sinh viên thể hiện kiến thức đã có.
- Giảng viên truyền đạt kiến thức đồng đều cho tất cả các sinh viên.
- Giảng dạy theo một chuẩn kiến thức có sẵn trong bài giảng và giáo trình.
- Đánh giá năng lực sinh viên theo phương pháp thi cử truyền thống. Đánh giá thường tập trung vào kiến thức sinh viên đã học được chứ ít quan tâm đến tiến trình sinh viên thu được kiến thức đó.
- Kết quả đào tạo đó là các thông tin, kiến thức bắt buộc; các kỹ năng đơn giản như nhớ bài, nhắc lại, xác định, định nghĩa... để qua được các kỳ thi với các bộ câu hỏi ôn tập sẵn có.
- Hoạt động chính của giảng viên là chủ yếu tổ chức, trình bày các thông tin cho sinh viên trên lớp và có thể có một số bài tập về nhà; kiểm soát kiến thức và tiếp cận thông tin của sinh viên; điều khiển việc học của sinh viên.
- Sinh viên mong muốn giảng viên dạy cho họ những gì để họ có thể qua được các kỳ thi; sinh viên bị động thu nhận các kiến thức; tái hiện kiến thức và thông tin đơn giản không cần phải hiểu biết sâu.
- Sinh viên thường ngồi theo lớp; thông tin trình bày từ giảng viên, sách vở, phim ảnh, máy chiếu.

5.2. Phương pháp sinh viên làm trung tâm

Lấy sinh viên làm trung tâm là một cách tiếp cận mới trong giáo dục mà tập trung vào nhu

cầu của sinh viên hơn là nhu cầu của giảng viên và nhà trường. Cách tiếp cận này liên quan đến xây dựng chương trình đào tạo, nội dung môn học và sự tương tác lẫn nhau giữa các môn học. Giáo dục lấy sinh viên làm trung tâm là phải gắn việc dạy và học với nghề nghiệp, chú trọng nhu cầu, khả năng, sở thích và phong cách học tập của sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Phương pháp giảng dạy trong lớp học thừa nhận tiếng nói của sinh viên như là trung tâm để học hỏi kinh nghiệm học tập cho sinh viên khác.

Phương pháp giảng viên làm trung tâm học tập thì giảng viên thực hiện vai trò của mình một cách năng động và sinh viên thụ động tiếp nhận. Phương pháp học sinh làm trung tâm học tập đòi hỏi sinh viên chủ động hoạt động, có trách nhiệm tham gia vào học tập của họ.

Phương pháp lấy sinh viên làm trung tâm có một số đặc điểm sau:

- Không xem sinh viên là hoàn toàn chưa hiểu biết, mà sinh viên đã có một số kiến thức nhất định.
- Không chỉ tập trung vào giảng dạy vấn đề mà còn quan tâm đến hiệu quả của việc học đã đạt được.
- Việc học của sinh viên là mối lo lắng chính của giảng viên.
- Sinh viên học nhiều vấn đề khác nhau và theo nhiều phương pháp khác nhau. Khuyến khích sự phản hồi của từng cá nhân nhằm phát triển tính sáng tạo trong sinh viên.
- Việc học là một quá trình chủ động, năng động có kết nối giữ ý tưởng, quá trình và thực tiễn khác nhau. Sự kết nối đó được thúc đẩy thông qua đối thoại giữa giảng viên và sinh viên và giữa sinh viên với nhau. Điều này tạo cho “việc học lấy sinh viên làm trung tâm” có tính xã hội cao, yêu cầu phát triển kỹ năng giao tiếp và quan hệ xã hội. Khuyến khích sinh viên hình thành các giả thuyết giải quyết các vấn đề và công việc thực tiễn mà họ sẽ làm trong tương lai.
- Học sinh xây dựng ý nghĩa riêng của họ bằng cách nói chuyện, nghe, viết, đọc, và phản ánh về nội dung, ý kiến, các vấn đề và quan tâm.

- Đánh giá không phải để 'lượng hóa' thành tích của học sinh về số lượng các sự kiện họ thực hiện mà phải hiểu tiến trình mà sinh viên đưa ra kết luận để giải quyết vấn đề hoặc công việc thực tiễn.

- Bài giảng và giáo trình được biên soạn không chỉ thể hiện các vấn đề xung

quanh các sự kiện sinh viên phải học mà còn tập trung vào quá trình phát triển sự học của sinh viên. Xây dựng bài giảng và giáo trình là có sự tham gia của giảng viên và sinh viên.

- Giảng viên tạo điều kiện thuận lợi, giúp sinh viên tiếp cận và xử lý thông tin. Điều này có nghĩa là "làm việc ít" trong lớp (sinh viên được hướng dẫn để giải quyết công việc xây dựng bởi chính họ một cách cẩn thận trong sự hợp tác với các sinh viên khác dưới sự giám sát của giảng viên) nhưng nhiều công việc ở bên ngoài lớp học nhằm chuẩn bị cho lớp và đánh giá công việc của sinh viên.

- Sinh viên chịu trách nhiệm về việc học của mình, là người chủ động tìm kiếm kiến thức. Xây dựng nền tảng kiến thức bởi việc tương tác giữa giảng viên và dữ liệu thu thập được từ các nguồn khác nhau với mục đích ghi nhớ về việc giải quyết một vấn đề/nhiệm vụ đã được cho trước. Sinh viên có thể làm việc độc lập nhưng thường xuyên phải có sự hợp tác theo nhóm dưới sự tư vấn của giảng viên.

5.3. Các hoạt động chính của giảng viên POHE

Giảng viên POHE tạo điều kiện thuận lợi cho việc học và nghiên cứu của sinh viên ở các trường đại học và cao đẳng. Họ có thể giảng dạy các môn học lý thuyết hoặc thực hành nghề nghiệp cho sinh viên bằng cách sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy hợp lý. Hoạt động của giảng viên là khác nhau tùy thuộc vào vai trò và trách nhiệm của mình trong chương trình đào tạo.

Một số công việc chính là:

- Phát triển và đổi mới khung chương trình đào tạo. Đánh giá sự phản hồi của sinh viên để cải tiến nội dung, vật liệu và phương pháp giảng dạy môn học.

- Biên soạn và phát triển bài giảng, thiết kế và chuẩn bị vật liệu giảng dạy.

- Phát triển và thực hiện phương pháp giảng dạy mới.

- Chuẩn bị giảng dạy.

- Giảng dạy, trợ giảng.

- Thiết kế hình thức và tổ chức thi cử.

- Đánh giá sinh viên và trả lời cho sinh viên.

- Hỗ trợ, khuyến khích và tư vấn cho sinh viên.

- Nghiên cứu, xuất bản và ứng dụng các kết quả nghiên cứu.

- Thường xuyên tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tham gia các hoạt động tập huấn dài hạn, ngắn hạn.

- Tham gia công tác hành chính liên quan đến khoa, bộ môn, hội đồng...

- Quản lý và tư vấn cán bộ, giảng viên trẻ. Có thể tham gia vào quản lý bộ môn, khoa.

- Đại diện cho nhà trường ở một số mạng lưới công việc liên quan.

- Thiết lập mối quan hệ giữa nhà trường với thế giới việc làm (WoW).

- Phổ biến và mở rộng ý tưởng của chương trình đào tạo POHE.

5.4. Vai trò của giảng viên POHE

Mục đích của giảng viên POHE là cung cấp kinh nghiệm học tập cho tất cả sinh viên và xác định tầm quan trọng của giảng viên để đạt được mục đích đó. Một giảng viên thành công là có nhiệt tình trong công việc dạy và học, và hiểu được rằng vai trò của giảng viên là nhiều hơn việc chỉ thực hiện việc giảng dạy tốt trên lớp học. Một giảng viên thành công là nhận ra rằng làm việc nhóm với giảng viên khác, với nhân viên hỗ trợ và cán bộ hành chính là một phần cốt lõi trong vai trò của mình. Giảng viên thành công phải luôn tiếp tục cập nhật kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ của bản thân.

Một số vai trò của giảng viên POHE:

- Chuyên gia: Thông thạo, hiểu biết sâu rộng về kiến thức, kỹ năng liên quan đến nghề nghiệp.

- Tư vấn: Có thể cung cấp cho sinh viên những lời khuyên, các kinh nghiệm để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc học và nghề nghiệp.

- Nghiên cứu: Tổ chức và tiến hành nghiên cứu các vấn đề thực tiễn nghề nghiệp yêu cầu.

- Đánh giá: Thiết kế câu hỏi và tiến hành đánh giá học tập của sinh viên.

- Trợ giảng: Trợ giúp giảng viên trong công việc giảng dạy, nghiên cứu; trực tiếp tham gia hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên học tập.

- Thiết kế: Tạo dựng và phát triển quá trình, môi trường học tập lành mạnh, an toàn.

- Nhà đại diện: Đại diện cho nhà trường khi làm việc với thế giới việc làm; là cầu nối giữa nhà trường và thế giới việc làm.

6. Kết luận

Chương trình đào tạo POHE được phát triển dựa trên cơ sở hồ sơ năng lực nghề nghiệp, với sự tham gia của bên sử dụng lao động, thể hiện nhu cầu của thị trường lao động; bao gồm các học phần được sắp xếp một cách khoa học có sự tham khảo các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, có kế thừa và phát triển; là quá trình chuyển đổi hồ sơ năng lực thành các hoạt động sư phạm chứa đựng các hoạt động dạy và học trợ giúp sinh viên đạt được các mục tiêu học tập dự kiến.

Quy trình thiết kế chương trình đào tạo với các bước thực hiện khoa học, hợp lý, theo trình tự bao gồm: phân tích nhu cầu đào tạo, xác định mục tiêu đào tạo, phân tích các điều kiện ban đầu, xây dựng nội dung, lựa chọn phương pháp, tổ chức và quản lý quá trình dạy và học, phát triển các công cụ hỗ trợ, xây dựng phương pháp đánh giá, thực hiện chương trình, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo.

Mục tiêu đào tạo bao gồm mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể, còn được gọi là chuẩn đầu ra là cơ sở và là tiền đề cho việc phát triển chương trình đào tạo. Chuẩn đầu ra của mỗi mục tiêu đào tạo phải được xác định rõ ràng cụ thể, có thể đo lường và đánh giá được năng lực người học có được sau khi kết thúc khoá học.

Thời lượng học tập của một mô-đun xác định khoảng thời gian mà một sinh viên trung bình cần phải trải qua để đạt được một mức độ kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu. Thời lượng học tập là tổng thời gian của tất cả các

hoạt động mà sinh viên thực hiện bao gồm: thời gian chuẩn bị, nghe giảng trên lớp, các hoạt động học tập, xin ý kiến cố vấn, chuẩn bị cho kỳ thi, thi và đánh giá kết quả. Thời lượng học tập được tính theo giờ hay giờ học tập. Khi hoàn thành một mô-đun, cứ mỗi 45-48 giờ học tập, sinh viên được cấp một tín chỉ.

Những khó khăn về tổ chức và quản lý đào tạo do có sự khác nhau giữa các chương trình đào tạo theo tín chỉ và theo mô-đun có thể được giải quyết bằng cách thống nhất đơn vị đo khối lượng kiến thức, coi mô-đun trong chương trình đào tạo POHE tương đương với học phần theo hệ thống tín chỉ. Việc tính toán các tín chỉ và thời lượng học cho các mô-đun của chương trình POHE có thể tương thích với các quy định của Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Hữu Châu, *Những vấn đề cơ bản về chương trình dạy học và quá trình dạy học*, Nxb Giáo dục, 2005.
- [2]. Orlando González, Secondary mathematics teachers' professional competencies for effective teaching of variability-related ideas: A Japanese case study. *Statistique et Enseignement*, 5(1), 31-51, 2014.
- [3]. Phạm Văn Lập, *Phát triển chương trình đào tạo - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Hà Nội, 1998.
- [4]. Nguyễn Danh Nam, Cơ chế phối hợp giữa trường sư phạm và trường phổ thông trong đào tạo giáo viên theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng. *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt tháng 3, 31-33, 2015.
- [5]. Phạm Hồng Quang, *Phát triển chương trình đào tạo giáo viên - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb Đại học Thái Nguyên, 2013.
- [6]. Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020.

